TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:135/2017/DS–ST
Ngày 25- 8 - 2017.
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Miêng.
Bà Phan Thị Cẩm Hồng.
Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2017/TLST –DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2190/2017/QĐST – DS ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp QTA, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Ông Ngô Tấn N, sinh năm 1963; bà Phạm Thị C, sinh năm 1966. Bà C ủy quyền cho ông Ngô Tấn N. Cùng địa chỉ: ấp QTA, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa bà Nguyễn Thị R trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2014 bà có cho ông Ngô Tấn N và bà Phạm Thị C vay số tiền 20.000.000 đồng, vay không tính lãi, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng khi bà có yêu cầu trả lại số tiền nêu trên thì ông N, bà C hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Đến ngày 03/4/2015 bà và các chủ nợ khác là bà Thảo, bà Chính cùng vợ chồng ông N, bà C có tổng kết nợ; thì ông N, bà C còn nợ bà 65.000.000 đồng, nợ bà Chính 20.000.000 đồng, nợ bà Thảo 45.000.000 đồng. Đồng thời khi đó ông N, bà C cùng thỏa thuận cầm đất cho bà, bà Chính, bà Thảo như văn bản đã cung cấp. Thực tế đất ông N, bà C đề cập theo văn bản " tờ hợp đồng cầm đất ngày 03/4/2015" thì ông N, bà C đã thế chấp vay ngân hàng đến nay ông N, bà C cũng chưa trả nợ ngân hàng; sau khi lập văn bản cầm đất nêu trên thì ông N, bà C cũng không có giao đất cho bà, bà Thảo, bà Chính sử dụng đất mà phần đất nêu trên ông N, bà C vẫn sử dụng cho

đến nay. Từ ngày viết giấy cầm đất cho bà đến nay thì ông N, bà C không có trả tiền vốn và và tiền lãi cho bà. Do đó hiện nay ông N, bà C còn nợ bà 65.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông Ngô Tấn N và bà Phạm Thị C phải liên đới nghĩa vụ giao trả cho bà một lần số tiền 65.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Đối với phần đất ông N, bà C thỏa thuận cầm cho bà theo văn bản là "tờ hợp đồng cầm đất ngày 03/4/2015" thì bà không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa bị đơn ông Ngô Tấn N, bà Phạm Thị C trình bày:

Ông, bà thừa nhận trước ông, bà có vay của bà Nguyễn Thị R nhiều lần, nhưng cụ thể từng lần vay thì ông, bà không nhớ, lãi suất vay là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay không có thỏa thuận, lúc đầu ông, bà có trả lãi đầy đủ cho bà R. Sau đó do ông, bà gặp khó khăn về kinh tế nên ông, bà không có trả lãi tiếp cho bà R. Đến ngày 03/4/2015 ông, bà và bà R, bà Thảo, bà Chính có tổng kết nợ thì ông, bà còn nợ bà R 65.000.000 đồng, bà Chính 20.000.000 đồng, bà Thảo là 45.000.000 đồng. Đồng thời khi đó ông, bà cùng thỏa thuận cầm đất cho bà Thảo, bà R, bà Chính như văn bản bà R cung cấp. Mục đích viết giấy cầm đất là để làm tin cho bà R thể hiện ông, bà có trách nhiệm trả nợ cho bà R. Thực tế đất ông, bà đề cập theo văn bản " tờ hợp đồng cầm đất ngày 03/4/2015" thì ông, bà đã thế chấp vay ngân hàng đến nay ông, bà cũng chưa trả nợ ngân hàng. Sau khi lập văn bản cầm đất nêu trên thì ông, bà cũng không có giao đất cho bà Thảo, bà R, bà Chính sử dụng đất mà phần đất nêu trên ông, bà vẫn sử dụng cho đến nay. Từ ngày viết giấy cầm đất cho bà R cho đến nay ông, bà không có trả tiền lãi cho bà R. Do đó hiện nay ông, bà còn nợ bà R 65.000.000 đồng.

Nay bà R yêu cầu ông, bà giao trả cho bà R số tiền 65.000.000 đồng thì ông, bà đồng ý nhưng ông, bà xin được trả nợ dần cho bà R mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với phần đất ông, bà thỏa thuận cầm cho bà R theo văn bản là "tờ hợp đồng cầm đất ngày 03/4/2015" thì ông, bà không yêu cầu giải quyết. Đối với tiền lãi trước đây ông bà đã trả cho bà R thì ông bà không yêu cầu tính lãi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Ngô Tấn N và Phạm Thị C hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu 95/4 ấp QTA, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà R, ông N, bà C thống nhất ông N, bà C còn nợ bà R số tiền 65.000.000 đồng . Tại phiên tòa ông N được bà C ủy quyền thừa nhận ông, bà có trách nhiệm trả cho bà R số tiền 65.000.000 đồng nhưng xin được kéo dài thời gian trả nợ; riêng bà R yêu cầu ông N, bà C phải trả một lần số tiền 65.000.000 đồng. Xét thấy mặc dù việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là do hai bên thỏa thuận không có lập văn bản nhưng được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và tuân theo quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà C đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó bà R yêu cầu ông N, bà C giao trả cho bà số tiền 65.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà R không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu trả nợ dần của ông N, bà C, xét thấy: ông N, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà R trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà R. Mặc khác ông N, bà C không chứng minh được kinh tế gia đình ông bà đang khó khăn và tại phiên tòa bà R cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của ông N, bà C. Do đó yêu cầu này của ông N, bà C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với phần đất được nêu trong văn bản là "tờ hợp đồng cầm đất ngày 03/4/2015" được lập giữa ông N, bà C, bà R thì bà R, ông N, bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Ông N, bà C không yêu cầu tính lãi lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Ông N, bà C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R. Buộc ông Ngô Tấn N và bà Phạm Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền 65.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Tấn N và bà Phạm Thị C phải liên đới nộp là 3.250.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị R được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền 1.625.000 đồng theo biên lai thu số 0010706 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thhi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

HUỲNH THỊ PHÊ

TM.HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
Nôi nhaän:
phieân toaø

Thaåm phaùn - Chuû toaï

- VKSND huyeän;
- TAND tænh;
- Caùc ñöông söï;
- Chi cuïc THADS huyeän;
- Löu HSVA.

Huỳnh Thị Phê